

Số: 2776 /BNN-VP

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2012

V/v rà soát quy trình cấp phép liên
quan đến hoạt động XNK để thực hiện
Cơ chế một cửa quốc gia và ASEAN

Kính gửi:

- Tổng cục: Lâm nghiệp, Thủy sản;
- Các Cục chuyên ngành.

Thực hiện văn bản số 2594/TCHQ-CCHĐH ngày 31/5/2012 của Tổng cục Hải quan (Bộ Tài chính) về việc rà soát quy trình cấp phép liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu để thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia và ASEAN.

Đề nghị các đơn vị thực hiện theo yêu cầu của Tổng cục Hải quan tiến hành rà soát các quy trình cấp phép và chứng từ liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu nhằm xây dựng và thực hiện cơ chế một cửa quốc gia và tham gia vào cơ chế một cửa ASEAN, cụ thể :

1. Các đơn vị rà soát và có ý kiến chính thức về các quy trình thủ tục hành chính theo mục (quy trình/ký hiệu) dưới đây và tại Danh mục tên quy trình (*phụ lục kèm theo*).

STT	Quy trình/ký hiệu (tại danh mục phụ lục)	Đơn vị thực hiện
1	3.9	Tổng cục Lâm nghiệp
2	3.4; 3.5; 3.6; 3.7; 3.10	Tổng cục Thủy sản
3	3.1; 3.2	Cục Bảo vệ thực vật
4	3.3; 3.4; 3.5; 3.6; 3.7	Cục Chăn nuôi
5	3.11	Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản
6	3.12; 3.13; 3.14; 3.15; 3.16; 3.17	Cục Thú y
7	3.18; 3.19; 3.20; 3.21	Cục Trồng trọt
8	3.8 (<i>Thủ tục cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do cho sản phẩm xuất khẩu</i>)*	Đối với các Cục có thực hiện quy trình *

2. Trả lời đầy đủ các thông tin chi tiết liên quan tới các quy trình Đăng ký, Chứng nhận, Cấp phép và quy trình khác (LCPO) trong phạm vi quản lý của Bộ, đơn vị. Cụ thể như sau:

A. Thông tin chung:

- Quy trình LCPO này yêu cầu những biểu mẫu nào? Xin hãy đính kèm bản sao của các biểu mẫu trên - bao gồm cả bản bằng tiếng Anh (nếu có).

- Các biểu mẫu này có được dùng chung cho tất cả các loại hình cửa khẩu không? Có mẫu biểu đặc thù áp dụng cho từng loại hình cửa khẩu đặc thù không? (các cửa khẩu biên giới, sân bay, cảng biển...).

- Các thủ tục/thông báo có liên quan đến quy trình này hiện nay có được phổ biến trực tuyến không?

B. Các vấn đề liên quan đến quy trình cấp phép:

- Việc cấp phép có yêu cầu thêm các quy trình LPCO, hoặc thông tin từ các Bộ, ngành khác không?

- Việc cấp phép/thực hiện quy trình LPCO này có cần phải thanh tra không? Nếu có thì việc thanh tra được thực hiện ở đâu và do cơ quan nào tiến hành?

- Lý do phổ biến nhất cho quyết định không cấp phép là gì?

C. Phí và lệ phí

- Các lệ phí quy định khi thực hiện quy trình LCPO này? Việc tính toán chi phí dựa trên cách thức nào?

- Hiện nay có các cách thức thanh toán nào? Việc xác định thanh toán được thực hiện như thế nào?

D. Thời hạn thực hiện và Số lượng hồ sơ cấp phép

- Trung bình, mất bao nhiêu thời gian để nhận được kết quả Cấp phép/Không cấp phép?

- Trung bình mỗi tháng có bao nhiêu trường hợp được Cấp phép và bao nhiêu trường hợp không được cấp phép?

E. Hệ thống công nghệ thông tin

- Đơn vị hiện nay đã có hệ thống công nghệ thông tin nào để quản lý quy trình LPCO này chưa? (ví dụ Biểu mẫu/Nộp LPCO/Cấp phép/Lưu trữ/Theo dõi). Nếu có thì cung cấp một số thông tin liên quan đến mỗi hệ thống như sau:

- + Tên
- + Mục đích
- + Đầu mối liên lạc

Đề nghị các đơn vị trả lời nội dung ngắn gọn, cụ thể, tập chung vào những vấn đề mà Bảng câu hỏi điều tra đưa ra và cung cấp bản sao của bộ hồ sơ liên quan đến quy trình hoặc dẫn chiếu địa chỉ cung cấp (tại đâu? văn bản nào?) gửi về Văn phòng thường trực cải cách hành chính (Văn phòng Bộ) trước ngày 18/6/2012 và gửi file theo địa chỉ hinhvd.vp@mard.gov.vn ./.

Liên hệ: Đ/c Vương Đức Hình 04.37345416 – 0982470966

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Bùi Bá Bổng (để b/c);
- Thứ trưởng Vũ Văn Tám (để b/c);
- Lưu: VT, VPCCHC.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Trần Quốc Tuấn

Phụ lục
DANH MỤC QUY TRÌNH
 (kèm theo Quyết định số 16/BNN-VP ngày 12/6/2012 của
 Bộ Nông nghiệp và PTNT)



Ký hiệu	Tên quy trình	Ghi chú
3.1	Cấp giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu đối với những vật thể phải phân tích nguy cơ dịch hại	
3.2	Cấp giấy Chứng nhận kiểm dịch thực vật (đối với thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, tái xuất khẩu, quá cảnh, vận chuyển nội địa)	
3.3	Thủ tục nhập khẩu giống vật nuôi ngoài danh mục giống vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh	
3.4	Thủ tục nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi ngoài danh mục nhập khẩu để phân tích, khảo nghiệm.	
3.5	Thủ tục xác nhận chất lượng và đăng ký sản phẩm vào Danh mục thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	
3.6	Thủ tục đăng ký sửa đổi thông tin về thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	
3.7	Đề nghị được phép san bao, đóng gói thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	
3.8	Thủ tục cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do cho sản phẩm xuất khẩu	
3.9	Giấy phép XNK động vật theo công ước CITES	
3.10	Giấy phép nhập khẩu để khảo nghiệm thủy sản	
3.11	Chứng nhận chất lượng thủy sản nhập khẩu, xuất khẩu	
3.12	Thủ tục cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu	
3.13	Thủ tục cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật nhập khẩu	
3.14	Thủ tục cấp giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật nhập khẩu	
3.15	Thủ tục cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh	
3.16	Thủ tục nhập khẩu thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hoá chất dùng trong thú y ngoài danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam và Vắc xin, vi sinh vật dùng trong thú y đã có trong Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam	

3.17	Thủ tục nhập khẩu thuốc thú y thủy sản	
3.18	Đăng ký khảo nghiệm quốc gia giống cây trồng	
3.19	Giấy phép khảo nghiệm phân bón	
3.20	Thủ tục trao đổi nguồn gen cây trồng quý hiếm	
3.21	Thủ tục đăng ký nhập khẩu phân bón, nguyên liệu sản xuất phân bón ngoài danh mục được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam	

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT